

LẠNG SƠN QUA 20 NĂM CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

TS LƯƠNG ĐĂNG NINH*

Cũng như nhiều tỉnh của cả nước, khi bước vào đổi mới, Lạng Sơn có nhiều khó khăn, sản xuất chậm phát triển, phân phối lưu thông rối ren; kinh tế nội địa là chủ yếu, chưa mở cửa giao lưu qua biên giới; cơ cấu kinh tế (CCKT) nông, lâm nghiệp là cơ bản, chiếm tỷ trọng lớn trong GDP (63,17%); công nghiệp - xây dựng chiếm (8,32%); dịch vụ (28,51%); thu nhập bình quân đầu người năm 1986 chỉ đạt gần 80USD. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta. Về CCKT, Đảng ta khẳng định phải sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý; trong kế hoạch 5 năm 1986 - 1990 tập trung thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Thực hiện chủ trương đó, Tỉnh ủy Lạng Sơn đã đề ra nhiệm vụ chiến lược của tỉnh trước mắt là xây dựng CCKT nông, lâm nghiệp - công nghiệp - thương mại, dịch vụ, sớm tạo lập những điều kiện, tiến đề, những nhân tố mới để chuyển dịch sang cơ cấu công nghiệp - nông, lâm nghiệp - thương mại, dịch vụ; triển khai đồng thời 3 chương trình kinh tế lớn, bổ sung chương

trình xây dựng cơ bản phát triển giao thông vận tải, thông tin liên lạc. Những năm 1986 - 1990, ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ của tỉnh đã bắt đầu có sự chuyển biến, tuy nhiên, do quy mô và tỷ trọng nhỏ nên chưa làm thay đổi đáng kể CCKT ngành; CCKT chủ yếu vẫn là nông - lâm nghiệp (63,71%); thương mại - dịch vụ (27,06%); công nghiệp - xây dựng (9,24%).

Để thực hiện mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6-1991) của Đảng đã đề ra nhiệm vụ tập trung đầu tư, tạo chuyển biến rõ nét về CCKT, trước hết đối với những ngành và vùng trọng điểm. Đại hội chỉ rõ: Chuyển dịch CCKT theo hướng từng bước CNH, HĐH, thoát khỏi tình trạng nông nghiệp lạc hậu. Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XI xác định: Tích cực chuyển nền kinh tế nông - lâm nghiệp mang tính tự nhiên, tự cấp, tự túc sang nền kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hoá nhiều thành phần, phát huy thế mạnh của một tỉnh miền núi biên giới, gắn nông - lâm nghiệp với công nghiệp khai thác và chế biến với quy mô vừa và nhỏ có hiệu quả. Khai thác tốt thương mại, du lịch và dịch vụ.

Trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết, Đảng bộ tỉnh đã vận dụng sáng tạo đường lối của

* Trưởng ban tuyên giáo Tỉnh ủy Lạng Sơn

Đảng, đề ra các chủ trương, giải pháp phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh, tạo nên những chuyển biến, tiến bộ rõ rệt trên tất cả các lĩnh vực. Nhờ đó, sau 5 năm (1991-1995) sản xuất và lưu thông hàng hoá phát triển nhanh, cơ sở hạ tầng từng bước được xây dựng và tăng cường. Cơ cấu sản xuất nông - lâm nghiệp bước đầu chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá; công nghiệp - xây dựng đạt tốc độ tăng trưởng 16,34%/năm. Thương mại, xuất nhập khẩu đạt 9,5%/năm, dịch vụ đạt 22,3%/năm, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng với tốc độ cao (xuất khẩu tăng bình quân 46,2%/năm, nhập khẩu tăng bình quân 52,9%/năm). Đây là giai đoạn Lạng Sơn có tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân khá cao (9,91%/năm). Năm 1995 CCKT của tỉnh là: nông - lâm nghiệp, thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng. GDP bình quân đầu người đã đạt 173,7 USD. Về cơ cấu thành phần kinh tế: tỷ trọng kinh tế Nhà nước đã tăng từ 24,71% năm 1990 lên 29,2% năm 1995; tỷ trọng kinh tế ngoài quốc doanh giảm từ 75,29% năm 1990 xuống còn 70,8% năm 1995.

Bước vào giai đoạn thực hiện đẩy mạnh CNH, HDH nền kinh tế, trọng tâm là CNH, HDH nông nghiệp, nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, khi xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1996 - 2000), Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nêu rõ cần phải coi trọng "Xây dựng vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh kết hợp với các vùng kinh tế khác, nhất là vùng biên giới, vùng cao để phát huy được ưu thế của mỗi vùng, từng bước khắc phục sự chênh lệch quá xa về nhịp độ tăng trưởng và mức sống của nhân dân giữa các vùng".

Trong giai đoạn này, tỷ trọng các ngành kinh tế trong GDP của tỉnh chuyển dịch theo hướng tích cực, năm 2000 tỷ trọng nông - lâm nghiệp giảm còn 51,7%; công nghiệp - xây dựng tăng lên 12,53%, thương mại - dịch vụ tăng 36,4%. Sản xuất nông - lâm nghiệp phát triển tương đối toàn diện, chuyển dịch theo hướng mở rộng sản xuất hàng hoá. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có mức tăng giá trị sản lượng bình quân 18,09%/năm. Thương mại, dịch vụ phát triển, tổng

mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ trên địa bàn tăng bình quân 16,02%/năm, kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 28%/năm, trong đó hàng thu gom, chế biến tại địa phương tăng bình quân 12,78%/năm, doanh thu dịch vụ - du lịch năm 2000 đạt 70 tỷ đồng, tăng bình quân 11,73%/năm. Những năm 1996-2000, kinh tế Lạng Sơn đạt mức tăng trưởng khá cao, bình quân hàng năm tăng 9,25%.

Tháng 4 - 2001, tại Đại hội IX, Đảng ta đã đề ra mục tiêu tổng quát cho kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là: "Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại". Đối với tỉnh Lạng Sơn, vấn đề chuyển dịch CCKT được xác định rõ hơn trong điều kiện mới. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XIII (2001) xác định mục tiêu chuyển dịch CCKT cho giai đoạn 2001 - 2005 là: "Tạo sự chuyển biến rõ rệt trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh; phấn đấu đến năm 2005, cơ cấu GDP của tỉnh là: nông - lâm nghiệp 42%, công nghiệp - xây dựng 16,2%, dịch vụ 41,8%; nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân 10 - 10,5%/năm, đến năm 2005 bình quân đầu người đạt 350 USD".

Trong 5 năm (2001 - 2005), nền kinh tế của tỉnh tiếp tục phát triển khá; hướng chuyển dịch CCKT của tỉnh rõ nét hơn, thế mạnh về kinh tế cửa khẩu, kinh tế đối rừng được khẳng định và phát huy. Các cửa khẩu Hữu Nghị và Tân Thanh đã đóng vai trò là đầu mối thương mại quan trọng trong phát triển quan hệ kinh tế giữa Lạng Sơn và nhiều tỉnh, thành ở nước ta với các đối tác phía Trung Quốc. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 10,04%, cao hơn so với giai đoạn 1996 - 2000 (9,25%/năm). CCKT ngành chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng tăng 38,03% và 16,78%; ngành nông - lâm nghiệp giảm đáng kể, còn 45,19%.

GDP bình quân đầu người năm 2003 đạt 263,6 USD; năm 2005 đạt 376 USD.

Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước, quan hệ sản xuất về cơ bản thay đổi và phát triển phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất, có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển. Cơ cấu thành phần kinh tế của Lạng Sơn thời kỳ 1986 - 2005 có sự thay đổi đáng kể. Các thành phần kinh tế có điều kiện phát triển thuận lợi, nên đã phát triển năng động, đa dạng. Kinh tế quốc doanh từng bước được sắp xếp lại phù hợp với yêu cầu mới. Một số doanh nghiệp sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu đã thích ứng với cơ chế mới và vươn lên làm ăn có hiệu quả. Kinh tế tư nhân và kinh tế hộ gia đình phát triển khá mạnh, ngành nghề đa dạng, tạo ra khối lượng sản phẩm đáng kể cho xã hội, giải quyết được nhiều việc làm cho người lao động, góp phần có hiệu quả trong xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân. Kinh tế tập thể được củng cố, bước đầu chuyển biến về phương thức hoạt động (với các hình thức hợp tác xã dịch vụ, hợp tác xã môi trường, hợp tác xã điện...). Tuy nhiên, đa số các hợp tác xã có vốn nhỏ, cơ sở vật chất nghèo nàn, trình độ năng lực quản lý hạn chế, hiệu quả hoạt động chưa cao.

Kinh tế ngoài quốc doanh có sự phát triển năng động và tham gia vào nhiều lĩnh vực, trong đó có những lĩnh vực trước đây chỉ do doanh nghiệp nhà nước đảm nhận. Khu vực kinh tế này đóng góp ngày càng nhiều cho GDP của tỉnh, góp phần quan trọng tăng thu ngân sách nội địa, thu hút được nhiều lao động và là nhân tố quan trọng thúc đẩy cạnh tranh trong nền kinh tế, buộc các doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp nhà nước phải chú trọng hơn đến hiệu quả, đáp ứng đúng nhu cầu của thị trường và người tiêu dùng.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã hình thành và phát triển, tuy nhiên còn chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong nền kinh tế của tỉnh (năm 2000 chiếm 0,04%, đến năm 2003 chiếm 0,19%).

Trong quá trình đầu tư phát triển kinh tế, Lạng Sơn đã hình thành ngày một rõ nét các vùng kinh tế. Theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1996 - 2010, Lạng Sơn được phân thành 5 vùng kinh tế. Căn cứ vào định hướng phân vùng, tỉnh đã tập trung đầu tư, phát triển, tạo điều kiện khai thác thế mạnh của từng vùng, hình thành các trọng điểm về phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh. Những vùng có lợi thế về vị trí địa lý, có kết cấu hạ tầng, đã phát triển nhanh đóng góp đáng kể vào tốc độ tăng trưởng chung của cả tỉnh, tạo sự phát triển chuyên sâu và phân công lao động, bố trí dân cư giữa các vùng trong tỉnh. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng động lực và các khu kinh tế cửa khẩu cao gấp 1,3 lần so với tốc độ tăng trưởng trung bình của cả tỉnh, đóng góp trên 68% trị giá hàng xuất khẩu và 70% thu ngân sách, có tác động tích cực, thu hút thêm lao động và kéo theo sự phát triển của nhiều vùng khác.

Tuy nhiên, qua gần 20 năm thực hiện đổi mới kinh tế, chuyển dịch CCKT, thực trạng nền kinh tế của tỉnh vẫn đang ở trình độ phát triển thấp (trình độ phát triển của thị trường, của khoa học, công nghệ và của lực lượng sản xuất còn thấp so với bình quân của cả nước). Năng suất và hiệu quả sản xuất chưa cao, sức cạnh tranh của các sản phẩm và các doanh nghiệp còn yếu, có nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều tỉnh, vùng trong nước và so với Quảng Tây - Trung Quốc. Tốc độ chuyển dịch CCKT còn chậm, một số lĩnh vực chưa đạt mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Về chuyển dịch cơ cấu lao động: Cơ cấu lao động của Lạng Sơn chuyển dịch theo hướng giảm tỷ lệ lao động ở khu vực nông thôn và tăng tỷ lệ lao động ở khu vực thành thị. Nhìn chung tốc độ chuyển dịch CCKT vẫn nhanh hơn tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các ngành kinh tế, điều đó cho thấy năng suất lao động và hiệu quả kinh tế giữa các ngành có sự chênh lệch (thu nhập trong ngành dịch vụ cao nhất, sau đó đến ngành công nghiệp - xây dựng và thấp nhất trong ngành nông - lâm nghiệp).

Số lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật của Lạng Sơn năm 2002 đã tăng gấp 2,44 lần so với năm 1989. Số lao động được đào tạo ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và kinh doanh ngày càng nhiều, nhận thức phát triển kinh tế hàng hoá có tiến bộ. Tuy nhiên, lao động chưa được đào tạo cơ bản về chuyên môn, kỹ thuật vẫn chiếm tỷ lệ cao (84,63%), ở khu vực nông thôn tỷ lệ này còn cao hơn (92,05%).

Mặc dù còn những hạn chế, thách thức, nhưng kinh tế Lạng Sơn đã có những chuyển biến tích cực, từng bước khai thác được tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, bình quân 7,74%/năm; đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, tình hình chính trị - xã hội, an ninh quốc phòng ngày một ổn định, vững chắc. Đến nay Lạng Sơn về cơ bản đã không còn hộ đói; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 24,07% năm 1993 xuống còn 11% năm 2000 (theo tiêu chí cũ) và từ 19,6% năm 2000 xuống 12,51% năm 2003 (theo tiêu chí mới). Đến cuối năm 2005, gần 80% số xã đã có đường ô tô đi được 4 mùa, 198/226 xã, phường, thị trấn có điện lưới quốc gia, 83% số xã, phường, thị trấn có điện thoại, 28,8% số xã có điểm sinh hoạt văn hoá, 67,7% số xã có sân chơi, bãi tập thể thao, 64,7% số trạm y tế xã có bác sĩ, 100% số xã có nữ hộ sinh, 97% số thôn, bản có nhân viên y tế cộng đồng, 100% số hộ trong tỉnh nghe được Đài tiếng nói Việt Nam, 72% số hộ xem được truyền hình...; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 7,8%.

Những kết quả đạt được qua gần 20 năm thực hiện chuyển dịch CCKT của Lạng Sơn có nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Đường lối đổi mới, mở cửa hội nhập đúng đắn của Đảng và Nhà nước, các chủ trương, định hướng cụ thể về chuyển dịch CCKT trong từng giai đoạn, thể hiện qua nghị quyết của các Đại hội Đảng lần thứ VI, VII, VIII và IX, các chỉ thị, nghị quyết chuyên đề của Bộ chính trị, Ban bí thư, đặc biệt, chủ trương mở cửa, bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc đã trực tiếp tạo cho Lạng Sơn nhiều thuận lợi trong phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và xuất nhập khẩu, phát triển kinh tế cửa khẩu.

- Bối cảnh trong nước và quốc tế tạo nhiều thuận lợi và thời cơ mới; vị trí địa lý và địa kinh tế thuận lợi kết hợp với tình hình chính trị - xã hội ổn định của tỉnh; sự hỗ trợ về nhiều mặt của Trung ương đối với tỉnh (cơ chế, chính sách, xây dựng kết cấu hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực...), sự hợp tác, phối hợp tích cực của các địa phương trong cả nước.

- Sự đoàn kết nhất trí, nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Lạng Sơn; sự vận dụng sáng tạo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào tình hình thực tế của tỉnh; điều chỉnh kịp thời định hướng phát triển, nắm bắt cơ hội, xác định đúng các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, vùng trọng điểm để có sự ưu tiên đầu tư hợp lý; có nhiều cơ chế chính sách tương đối đồng bộ và toàn diện hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời luôn coi trọng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra các điểm nóng, xử lý tốt các vấn đề tôn giáo, dân tộc trên địa bàn.

Bên cạnh nhiều yếu tố thuận lợi, cũng còn không ít những yếu tố chủ quan và khách quan tác động không thuận lợi tới sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó có chuyển dịch CCKT, nổi lên các yếu tố sau:

- Là một tỉnh miền núi, biên giới, xuất phát điểm thấp, có những điều kiện khó khăn đặc thù. Kinh nghiệm quản lý của nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần định hướng XHCN đã có bước tiến bộ, nhưng cũng còn nhiều hạn chế, phương thức quản lý có nơi có lúc chưa phù hợp, chưa linh hoạt, đôi khi thiếu đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Vốn đầu tư thiếu, chưa huy động và khai thác được tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển; khả năng tiếp nhận chuyển giao công nghệ hạn chế. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ và người lao động còn nhiều hạn chế, bất cập.

Công tác quy hoạch, kế hoạch chưa sát yêu cầu chuyển dịch CCKT, tính khả thi chưa cao; bố trí vốn đầu tư còn dàn trải,...

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn về chuyển dịch CCKT, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm:

Thứ nhất, phải bám sát tình hình thực tế, thấy rõ điều kiện cụ thể, đặc thù của từng ngành, từng vùng để xác định chủ trương, định hướng phát triển phù hợp với xu thế phát triển khách quan, đảm bảo tính khả thi.

Việc lựa chọn, xác định đúng các ngành, các lĩnh vực mũi nhọn, các vùng đông lực, các sản phẩm có lợi thế so sánh để có chiến lược đầu tư phát triển đúng hướng cho phép tận dụng thời cơ, tạo ra những mũi đột phá là yếu tố quyết định đến thành công. Việc lựa chọn, xác định sai trọng tâm sẽ dẫn đến định hướng đầu tư sai, không những kém hiệu quả, lãng phí mà còn tạo ra những bất hợp lý về cơ cấu.

Thứ hai, chủ trương, định hướng đúng phải kết hợp với việc thực hiện khẩn trương, kịp thời, khoa học, kiên trì, quyết liệt với các giải pháp, biện pháp cụ thể và đủ liều lượng, đồng thời phát huy tính năng động, sáng tạo các thành phần kinh tế mới đưa nhanh chủ trương vào cuộc sống và thực hiện được các mục tiêu đã định.

Thứ ba, phải kết hợp chặt chẽ nội lực và ngoại lực, trong đó luôn xác định việc khai thác, phát huy nội lực là quyết định, huy động ngoại lực là quan trọng. Đối với các tỉnh miền núi nói chung, Lạng Sơn nói riêng, do các điều kiện kinh tế - xã hội còn hết sức khó khăn, nhu cầu đầu tư rất lớn trong khi khả năng huy động vốn đầu tư tại chỗ lại hạn chế, nên nguồn lực đầu tư từ Trung ương là hết sức quan trọng, đảm bảo sự phân bổ hợp lý lực lượng sản xuất, góp phần thúc đẩy phát triển. Bên cạnh đó, phải luôn chú ý khắc phục sự trông chờ, ỷ lại của địa phương, cơ sở.

Thứ tư, vấn đề chất lượng nguồn nhân lực, trong đó khả năng nhận thức và thay đổi tư duy phát triển là yếu tố cơ bản để thực hiện chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH, nhưng khâu này hiện nay còn yếu, cần được nhận thức đầy đủ, có chiến lược lâu dài, quy hoạch, kế hoạch cụ thể với lộ trình và bước đi thích hợp, tập trung cao về công tác chỉ đạo, lãnh đạo và bố trí lượng vốn đầu tư thoả đáng để khắc phục có kết quả, thì mới đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH trong thời kỳ mới.

Qua tổng kết thực tiễn chuyển dịch CCKT trên địa bàn Lạng Sơn, khảo sát tình hình một số tỉnh xung quanh có điều kiện tương tự như Lạng Sơn, xin có một số đề xuất, kiến nghị:

1. Cần tổ chức nghiên cứu để sớm hoàn thiện hệ thống quan điểm và lý luận cơ bản về chính sách cơ cấu và chuyển dịch CCKT, phân loại cơ cấu, các mô hình về cơ cấu, tiêu chí đánh giá tính hợp lý của cơ cấu, phương pháp điều chỉnh cơ cấu... Chính phủ cần sớm đề ra chính sách cơ cấu quốc gia cho giai đoạn phát triển tới của nền kinh tế Việt Nam, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thống nhất thực hiện, nhằm thúc đẩy quá trình CNH, HĐH đất nước.

2. Quan tâm tạo điều kiện cần thiết cho quá trình đẩy mạnh chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HĐH trong phạm vi cả nước, trong đó chú trọng đầu tư thích đáng, tạo ra những tiến bộ quan trọng nhất cho phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh miền núi phía Bắc, trong các lĩnh vực như: Xây dựng cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (đường giao thông, điện, thủy lợi, thông tin liên lạc, trường học, trường dạy nghề, các cơ sở y tế, văn hoá...); Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, chuyển giao công nghệ, kỹ năng thực hành và phương thức quản lý tiên tiến...

3. Để thúc đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn cần tập trung nghiên cứu, có cơ chế, chính sách phù hợp để giải quyết có kết quả vấn đề thị trường nói chung và vấn đề tiêu thụ nông, lâm, thủy sản nói riêng, gắn với công nghệ sau thu hoạch và phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm thủy sản, thực hiện chương trình đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các xã vùng đặc biệt khó khăn ở các tỉnh miền núi phía Bắc (sau khi kết thúc chương trình 135 vào năm 2005) theo hướng tập trung đầu tư những công trình thật sự có hiệu quả kinh tế, có tác dụng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cả vùng

4. Đối với lĩnh vực thương mại - dịch vụ, Đảng, Nhà nước cần có chiến lược và chính sách riêng trong quan hệ kinh tế đối ngoại với Trung Quốc và các tỉnh và khu tự trị biên giới giáp Việt Nam (Vân Nam, Quảng Tây), từ đó có cơ chế, chính sách đặc thù đối với các tỉnh có biên giới với Trung Quốc. Sớm thành lập Ban điều

hành xuất nhập khẩu, thống nhất chỉ đạo từ Trung ương đến địa phương, tạo điều kiện phát triển thuận lợi cho các doanh nghiệp có ưu thế trong cạnh tranh với bên ngoài. Phân công, phân cấp hợp lý cho các địa phương nằm trên tuyến biên giới Việt - Trung để vừa chủ động giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động thương mại - dịch vụ, kinh tế cửa khẩu, mở rộng quan hệ đối ngoại với tỉnh, khu tự trị láng giềng bên kia biên giới, vừa thực hiện đúng định hướng chung của Trung ương.

5. Đối với phát triển công nghiệp, Chính phủ cần sớm phê duyệt và chỉ đạo thực hiện quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp theo vùng lãnh thổ để tránh bố trí trùng lặp, gây lãng phí, kém hiệu quả khi đầu tư phát triển các cơ sở công nghiệp cụ thể; cần có chính sách ưu đãi đặc thù cho phát triển công nghiệp tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

6. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tổng bí thư Nông Đức Mạnh trong chuyến thăm và làm việc tại Lạng Sơn tháng 9 - 2003, Tỉnh uỷ Lạng Sơn tập trung chỉ đạo xây dựng đề án "Xây dựng thành phố Lạng Sơn và thị trấn Đồng Đăng cùng với các khu kinh tế cửa khẩu thành trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch", nhằm khai thác và phát huy lợi thế về vị trí địa lý của tỉnh, đẩy nhanh phát triển và chuyển dịch CCKT. Tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Lạng Sơn ngày 28-7- 2004, Phó Thủ tướng Vũ Khoan đã nhận định: với vị trí của tỉnh, Lạng Sơn sẽ trở thành một trong những cửa ngõ giữa ASEAN và Trung Quốc khi Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc có hiệu lực vào năm 2010, Lạng Sơn được xác định là một trong những trung tâm của "một vành đai và hai hành lang kinh tế" giữa Trung Quốc - Việt Nam và các nước ASEAN, là cầu nối, là điểm trung chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu của cả nước với Trung Quốc. Trong thời gian tới, Lạng Sơn cần có sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện của Trung ương để sớm xây dựng và tổ chức thực hiện đề án trên.

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, CTQG, H, 2001, tr.90

CỤC HẢI QUAN ĐỒNG NAI...

(Tiếp theo trang 64)

giải nhất hội thi "Phụ nữ Hải quan tài năng thanh lịch" khu vực phía Nam, giải Ba Hội thi toàn ngành (2004), Huy chương vàng Hội diễn nghệ thuật quần chúng ngành tài chính (2005)...

Phát huy truyền thống đến ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, trong 10 năm qua, Cục Hải quan Đồng Nai thường xuyên tổ chức thăm hỏi, tặng quà các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Trung tâm phụng dưỡng cha mẹ liệt sĩ, Cô nhi viện, Trung tâm nuôi dưỡng trẻ em khuyết tật; ủng hộ đồng bào bị lũ lụt.... Đơn vị đã nhận phụng dưỡng suốt đời 2 bà mẹ Việt Nam anh hùng và 1 Anh hùng lực lượng vũ trang. Ngoài ra, CBCNV toàn đơn vị đã đóng góp xây dựng được 24 căn nhà tình thương, 2 căn nhà tình nghĩa. Tổng số tiền đóng góp cho công tác xã hội 10 năm qua lên đến trên 680 triệu đồng.

Với những kết quả đã đạt được, Cục hải quan Đồng Nai đã được tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý của Đảng, Nhà nước, của ngành và của tỉnh: Huân chương Lao động hạng Ba (1999), Huân chương Lao động hạng Nhì (2003) và danh hiệu Anh hùng lao động do Chủ tịch nước trao tặng năm 2005...

Trước yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế, ngành hải quan nói chung và Hải quan Đồng Nai nói riêng có nhiều thuận lợi nhưng cũng đứng trước những thách thức rất lớn. Với những tiến đề tạo được trong 10 năm qua, Cục hải quan Đồng Nai tiếp tục đầu tư phát triển, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đẩy mạnh công tác đổi mới, cải cách thủ tục hành chính, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, xứng đáng với danh hiệu Anh hùng lao động đã được Nhà nước trao tặng.

HOÀI AN